

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2016/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 13 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 102/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2005;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 54/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1029/TTr-STC ngày 29 tháng 4 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 35/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (gọi tắt là NHCSXH tỉnh) để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh;

- Đối tượng vay vốn từ nguồn vốn giải quyết việc làm;

- Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện vay vốn, nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn vay

1. Điều kiện vay vốn

Thực hiện cho vay theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

2. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn vay

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh được giải ngân, quản lý, sử dụng theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng, tham ô và sử dụng vốn từ ngân sách tỉnh không đúng mục đích. Nguồn vốn cho vay phải thu hồi được gốc và lãi, bảo đảm an toàn và phát triển nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác. Riêng các trường hợp vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan thì được xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Cơ chế tạo lập nguồn vốn để cho vay

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho vay và kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh để cho vay giải quyết việc làm, hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 4. Đối tượng được vay vốn

1. Cho vay giải quyết việc làm

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh);

- Người lao động.

2. Vốn ngân sách tỉnh ủy thác (không gồm vốn cho vay giải quyết việc làm)

- Hộ nghèo;

- Các đối tượng chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Cơ chế cho vay

Mức cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và hướng dẫn của NHCSXH, cụ thể:

1. Cho vay từ nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm: Thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của nguồn vốn giải quyết việc làm và các văn bản hướng dẫn về quy trình, thủ tục, nghiệp vụ cho vay giải quyết việc làm của NHCSXH.

2. Cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định tại Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và theo quy trình, thủ tục, hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.

3. Đối với cho vay đối tượng chính sách khác theo quy định đặc thù theo Quyết định của UBND tỉnh: Giao Ban đại diện Hội đồng quản trị (gọi tắt HĐQT) NHCSXH tỉnh căn cứ vào các quy định của pháp luật và các hướng dẫn cho vay hiện hành của NHCSXH để xem xét quyết định áp dụng cho phù hợp tình hình cụ thể của địa phương.

Điều 6. Hạch toán, theo dõi

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của NHCSXH.

Điều 7. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác

1. Lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác được sử dụng để trả phí ủy thác, hoa hồng; bù đắp chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của NHCSXH và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến việc quản lý nguồn vốn ủy thác; trích lập Quỹ dự phòng rủi ro; bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh.

2. Định kỳ (hàng tháng, quý, năm), 100% số tiền lãi thực thu được từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho vay được phân phối như sau:

a) Đối với cho vay từ nguồn vốn giải quyết việc làm

- Trích 50% để trả phí quản lý đối với NHCSXH, bao gồm: chi trả phí dịch vụ ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể nhận ủy thác cho vay; chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn; các chi phí quản lý khác;

- Trích 20% để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát (bao gồm kinh phí quản lý nguồn vốn giải quyết việc làm, kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình giải quyết việc làm); công tác lập kế hoạch cho vay và kế hoạch giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới và các hoạt động cho vay vốn của quỹ; tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

Căn cứ báo cáo kết quả thu lãi của NHCSXH tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phân phối lãi cho các cơ quan, đơn vị được hưởng; kết quả phân phối lãi gửi UBND tỉnh để báo cáo, gửi Sở Tài chính và NHCSXH tỉnh để phối hợp thực hiện.

Các đơn vị, cơ quan được phân bổ kinh phí từ nguồn tiền lãi cho vay nguồn vốn giải quyết việc làm có trách nhiệm sử dụng kinh phí theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; hàng năm tổng hợp quyết toán vào nguồn kinh phí khác của cơ quan, đơn vị và báo cáo quyết toán với cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định. Trường hợp cuối năm, kinh phí từ nguồn tiền lãi còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và quyết toán;

- Trích 10% để bổ sung vào nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm;

- Trích 20% lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn số dự phòng phải trích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung phần chênh lệch thừa vào nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm.

b) Đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác

- Trích 60% để trả phí quản lý đối với NHCSXH, bao gồm: chi trả phí dịch vụ ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể nhận ủy thác cho vay; chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn; các chi phí quản lý khác;

- Trích 10% để bổ sung kinh phí hoạt động của Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp và khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn. Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh quy định việc sử dụng nguồn kinh phí này, đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành;

- Trích 10% bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Trích 20% lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng và để bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh. Trường hợp số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng lớn hơn số dự phòng phải trích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung phần chênh lệch thừa vào nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh.

Điều 8. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ rủi ro: Chỉ xử lý rủi ro đối với các trường hợp vay vốn từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác do nguyên nhân khách quan. Các khoản nợ rủi ro do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tổ chức gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro, trình tự thực hiện xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Những trường hợp xử lý nợ rủi ro khác, Giám đốc NHCSXH tỉnh báo cáo Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh thống nhất và trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xử lý theo quy định.

3. Thẩm quyền xử lý nợ rủi ro**a) Chủ tịch UBND tỉnh**

Quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng ngân sách tỉnh tại NHCSXH tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh

Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng ngân sách tỉnh tại NHCSXH tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

c) Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh

Quyết định đối với việc gia hạn nợ; tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro

a) Nguồn vốn để xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng do nguyên nhân khách quan được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng ngân sách tỉnh tại NHCSXH tỉnh. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ để xử lý rủi ro thì NHCSXH tỉnh lập đề xuất, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho vay đã chuyển qua NHCSXH tỉnh.

b) Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoanh nợ cho khách hàng được tính trong tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho NHCSXH tỉnh.

- Trong thời gian gia hạn nợ, NHCSXH tính lãi, thu lãi đối với khách hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo chế độ quy định;

- Trong thời gian khoanh nợ, NHCSXH tỉnh không tính lãi, không thu lãi đối với khách hàng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh;

- Thẩm định nguồn vốn xử lý nợ rủi ro trong trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ để xử lý rủi ro, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan và NHCSXH tỉnh kiểm tra tình hình và kết quả tạo lập, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua NHCSXH tỉnh khi cần thiết;

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, Ban ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các quy định tại Quy chế này.

3. Các cơ quan, tổ chức được cử người tham gia Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh, ngoài chức năng quản lý chuyên ngành thuộc thẩm quyền, có trách nhiệm tham mưu cho Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh và UBND tỉnh về chủ trương, chính

sách và các giải pháp cơ bản để thực hiện tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh ủy thác theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng;

- Chủ động tham mưu cho Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh trong việc kịp thời phân bổ chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm.

- Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ vay theo quy định;

- Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Định kỳ (06 tháng, năm) hoặc theo yêu cầu đột xuất (nếu có), NHCSXH tỉnh báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác cho vay và kế hoạch sử dụng vốn năm tiếp theo gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính; báo cáo kết quả xử lý nợ rủi ro gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh;

- Lập báo cáo quyết toán việc phân chia và sử dụng lãi cho vay theo định kỳ 06 tháng và hàng năm gửi Sở Tài chính.

5. UBND huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể của huyện làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn;

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn chấp hành đầy đủ các quy định về thành lập Tổ tiết kiệm vay vốn, bình xét cho vay, xác nhận đối tượng đủ điều kiện vay theo quy định, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

6. UBND xã, phường, thị trấn

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo quy định;

- Phối hợp với NHCSXH, các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay; đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

7. Các tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể nhận ủy thác

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

Điều 10. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức và cá nhân có thành tích thực hiện tốt chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn được xét khen thưởng; các trường hợp có hành vi vi phạm, cố ý làm trái quy định thì tùy theo tính chất vụ việc mà xử lý kỷ luật hoặc chuyển cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, các địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, có hiệu quả và theo đúng các quy định của pháp luật.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính